

Số: *12*/2018/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày *08* tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Bãi bỏ Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND ngày 28/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về xây dựng quỹ quốc phòng, an ninh tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;*

*Xét Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND ngày 28/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng quỹ quốc phòng, an ninh tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bãi bỏ Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND ngày 28/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về xây dựng Quỹ quốc phòng, an ninh tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc xử lý đối với số dư đến ngày 31/12/2018 của Quỹ quốc phòng, an ninh tại xã, phường, thị trấn và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./. *Tro*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh.
- Lưu: VT.

*Minh*

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Xuân Hòa**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Thái Nguyên từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông và một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Xử phạt vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
Căn cứ Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Quyết định số 901/QĐ-BTC ngày 13/6/2018 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;*

*Xét Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Thái Nguyên từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông và một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quy định mức phân bổ kinh phí từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông (sau đây viết tắt là TTATGT) và một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Các nội dung chi và mức chi khác phục vụ công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan.

## 2. Đối tượng áp dụng

- a) Ban An toàn giao thông tỉnh;
- b) Công an tỉnh Thái Nguyên;
- c) Ban An toàn giao thông các huyện, thành phố Sông Công, thành phố Thái Nguyên, thị xã Phổ Yên (sau đây viết tắt là Ban ATGT cấp huyện);
- d) Thanh tra sở Giao thông vận tải;
- đ) Các lực lượng trực tiếp tham gia đảm bảo TTATGT trực thuộc tỉnh;
- e) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT.

## **Điều 2. Nguồn kinh phí, định mức phân bổ**

### 1. Nguồn kinh phí

- a) Kinh phí từ nguồn thu xử phạt hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông được ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020 thực hiện theo quy định tại Điều 2, Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính;
- b) Kinh phí được bố trí trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm, được giao dự toán cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ công tác đảm bảo TTATGT trên địa bàn tỉnh.

### 2. Định mức phân bổ kinh phí

Định mức kinh phí từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực TTATGT được ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Thái Nguyên (quy ước là 100%) thực hiện phân bổ như sau:

- a) Công an tỉnh (bao gồm cả công an các huyện, thành phố, thị xã; công an các xã, phường, thị trấn) được sử dụng: 70%;
- b) Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh được sử dụng: 10%;
- c) Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh được sử dụng: 3%;
- d) Ban An toàn giao thông cấp huyện được sử dụng: 15%, trong đó:
  - Ban An toàn giao thông thành phố Thái Nguyên: 2,5%;
  - Ban An toàn giao thông thị xã Phổ Yên, huyện Đại Từ: 1,7% /đơn vị;
  - Ban An toàn giao thông huyện Phú Lương: 1,6%;
  - Ban An toàn giao thông thành phố Sông Công, huyện Phú Bình, huyện Võ Nhai, huyện Đồng Hỷ, huyện Định Hóa: 1,5%/đơn vị;

đ) Hỗ trợ cơ quan, đơn vị, hội, đoàn thể cấp tỉnh 2% để chi các hoạt động phối hợp trong lĩnh vực đảm bảo TTATGT.

**Điều 3. Một số nội dung chi thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ trực tiếp công tác đảm bảo TTATGT cấp tỉnh; nội dung chi bảo đảm TTATGT của cấp huyện**

1. Chi cho công tác bảo đảm TTATGT tại cấp tỉnh:

a) Chi bồi dưỡng cho các thành viên của Ban An toàn giao thông tỉnh;

b) Chi bồi dưỡng cho tổ giúp việc của Ban An toàn giao thông tỉnh;

c) Chi đầu tư trang bị hạ tầng, thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm TTATGT theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Làm mới, sửa chữa các panô tuyên truyền an toàn giao thông; trang bị áo và phao cứu sinh;

d) Chi bồi dưỡng cho lực lượng Thanh tra Sở Giao thông vận tải tham gia công tác bảo đảm TTATGT;

đ) Chi hỗ trợ cơ quan, đơn vị, hội, đoàn thể các hoạt động phối hợp trong lĩnh vực đảm bảo TTATGT;

e) Chi các nhiệm vụ khác do Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban ATGT tỉnh giao.

2. Chi cho công tác bảo đảm TTATGT của cấp huyện:

a) Chi xây dựng kế hoạch phối hợp các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) trong việc thực hiện công tác bảo đảm TTATGT;

b) Chi tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn giao thông;

c) Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc phối hợp hoạt động của các cơ quan, các tổ chức và các đoàn thể cấp huyện, cấp xã trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT; cứu hộ, cứu nạn, khắc phục, hạn chế hậu quả các vụ tai nạn giao thông trên địa bàn;

d) Chi khắc phục sự cố đảm bảo ATGT, xử lý các điểm mất ATGT;

đ) Chi hỗ trợ cơ quan, đơn vị, hội, đoàn thể các hoạt động phối hợp trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT;

e) Chi hội nghị sơ kết, tổng kết công tác ATGT;

g) Chi bồi dưỡng thành viên tham gia Ban An toàn giao thông cấp huyện;

h) Chi bồi dưỡng cho tổ giúp việc của Ban an toàn giao thông cấp huyện;

i) Chi hỗ trợ cho các lực lượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia công tác giải tỏa hành lang đường bộ;

k) Chi các nhiệm vụ khác do Chủ tịch UBND cấp huyện - Trưởng Ban ATGT cấp huyện giao.

3. Ngoài các nội dung chi chung được quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều này các nội dung chi khác thực hiện theo Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính.

#### **Điều 4. Mức chi đặc thù cho công tác bảo đảm TTATGT**

1. Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết:

a) Trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng: Chi hỗ trợ 3.000.000 đồng/người bị tử vong; 2.000.000 đồng/người bị thương nặng; 1.000.000 đồng/người bị thương đang điều trị tại bệnh viện có hoàn cảnh khó khăn;

b) Trong các dịp Tết Nguyên đán, “Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông”: Chi thăm hỏi 1.000.000 đồng/người đối với nạn nhân bị thương nặng, gia đình nạn nhân bị chết do tai nạn giao thông có hoàn cảnh khó khăn (Mỗi nạn nhân, gia đình không quá 1 lần thăm hỏi/năm).

2. Chi hỗ trợ ban đầu cho cán bộ, công chức, viên chức bị thương hoặc bị chết khi đang làm nhiệm vụ đảm bảo TTATGT:

a) Trường hợp bị thương được hỗ trợ 2.000.000 đồng/người. Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán xem xét, quyết định việc thăm hỏi trên cơ sở mức độ thương tích và tỷ lệ thương tật cho phù hợp, đảm bảo công bằng và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

b) Trường hợp bị chết: Gia đình cán bộ, công chức, viên chức được nhận mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/người;

c) Trường hợp đặc biệt khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

3. Chi bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc lực lượng khác (cơ quan, tổ chức, đơn vị) tham gia trực tiếp công tác phối hợp bảo đảm trật tự an toàn giao thông vào ban đêm theo yêu cầu của Trưởng Ban ATGT tỉnh; Trưởng Ban ATGT cấp huyện là 100.000 đồng/người/ca (01 ca đủ từ 04 giờ trở lên).

4. Hỗ trợ tiền công và tiền xăng xe cho các lực lượng không hưởng lương từ ngân sách trực tiếp tham gia công tác giải tỏa hàng lang đường bộ:

a) Mức chi tiền công: 100.000 đồng/người/ngày;

b) Tiền xăng xe máy mức chi: 2.000 đồng/km.

5. Chi bồi dưỡng hàng tháng cho thành viên Ban ATGT tỉnh và tổ chuyên viên giúp việc, cụ thể như sau:

a) Trưởng Ban ATGT: Mức bồi dưỡng 1.000.000 đồng/người/tháng;

b) Phó Trưởng ban ATGT, Ủy viên chuyên trách: Mức bồi dưỡng 800.000 đồng/người/tháng;

c) Các thành viên Ban ATGT tỉnh: Mức bồi dưỡng 500.000 đồng/người/tháng;

d) Tổ chuyên viên giúp việc: Mức bồi dưỡng 600.000 đồng/người/tháng.

6. Chi bồi dưỡng hàng tháng cho thành viên Ban ATGT cấp huyện và tổ chuyên viên giúp việc, cụ thể như sau:

a) Trưởng Ban ATGT: Mức bồi dưỡng 700.000 đồng/người/tháng;

b) Phó Trưởng ban ATGT, Ủy viên chuyên trách: Mức bồi dưỡng 500.000 đồng/người/tháng;

c) Các thành viên Ban ATGT cấp huyện: Mức bồi dưỡng 300.000 đồng/người/tháng;

d) Tổ chuyên viên giúp việc: Mức bồi dưỡng 400.000 đồng/người/tháng.

7. Chi bồi dưỡng cho lực lượng Thanh tra Sở Giao thông vận tải tham gia công tác bảo đảm trật tự ATGT, mức bồi dưỡng 700.000 đồng/người/tháng. Số lượng, đối tượng tham gia trực tiếp do Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán phân công, tự chịu trách nhiệm.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./. *Thư*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

*Thư*

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Xuân Hòa**

